

Cập nhật ngành Ngân hàng

6 tháng – 2025



**Tháng 9
2025**

S&I Ratings

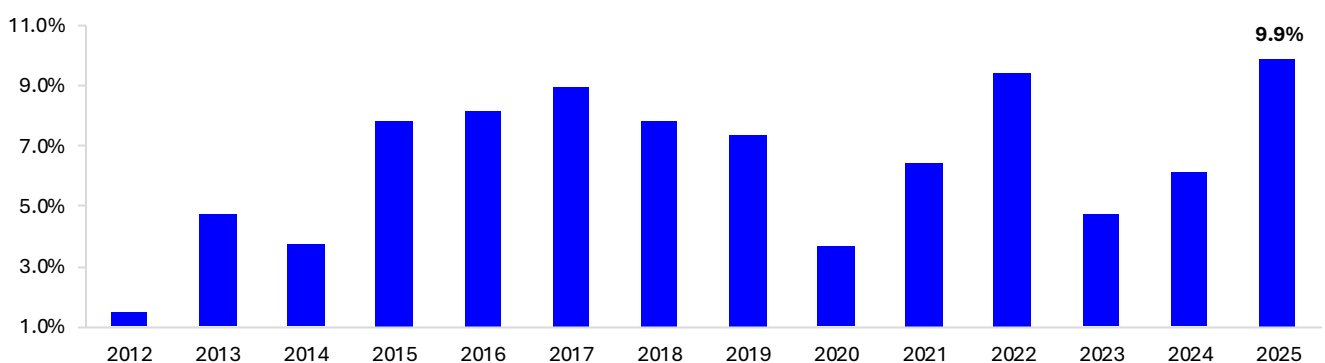
Tín dụng tăng 9,9% trong 6 tháng đầu năm 2025 – mức cao nhất hơn một thập kỷ qua

Tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng tích cực, đạt +9,9% YTD sau 6 tháng đầu năm 2025 – mức cao nhất kể từ năm 2012. Nhóm NHTMCP – đặc biệt là các ngân hàng chuyên cho vay doanh nghiệp – tiếp tục là động lực chính, với mức tăng trưởng vượt trội tại VPB (+18,7%), HDB (+15,3%), NAB (+14,7%), MSB (+13,5%), SHB (+12,9%) và MBB (12,3%). Ngược lại, tốc độ tăng trưởng tín dụng tại khối ngân hàng quốc doanh và một số ngân hàng bán lẻ khiêm tốn hơn: BID (+6,1%), VCB(+7,3%), ACB (+9,2%), OCB (+8,8%) và BVB (+6,5%).

Xét theo lĩnh vực cho vay, hầu hết các ngành sản xuất, xây dựng và thương mại – dịch vụ đều đóng góp tốt vào mức tăng tín dụng toàn hệ thống. Dư nợ cho vay thương mại tăng đáng kể tại MBB (+ 33 nghìn tỷ đồng YTD), LPB (+22 nghìn tỷ đồng YTD) và VPB (+21 nghìn tỷ đồng YTD). Trong khi đó, tỷ trọng giải ngân kinh doanh bất động sản và dịch vụ tài chính chiếm ưu thế ở một số ngân hàng. So với cuối năm 2024, dư nợ cho vay chủ đầu tư bất động sản tại SHB tăng 41 nghìn tỷ đồng, theo sau TCB (+40 nghìn tỷ đồng) và MBB (+21 nghìn tỷ đồng). Cho vay các công ty chứng khoán cũng tăng mạnh tại NAB (+15 nghìn tỷ đồng), VPB (+13 nghìn tỷ đồng), VBB (+12 nghìn tỷ đồng) và VIB (+11 nghìn tỷ đồng). Đáng chú ý, các ngân hàng đẩy mạnh cho vay bất động sản và chứng khoán cũng là những ngân hàng ghi nhận tăng trưởng tín dụng ấn tượng trong nửa đầu năm 2025.

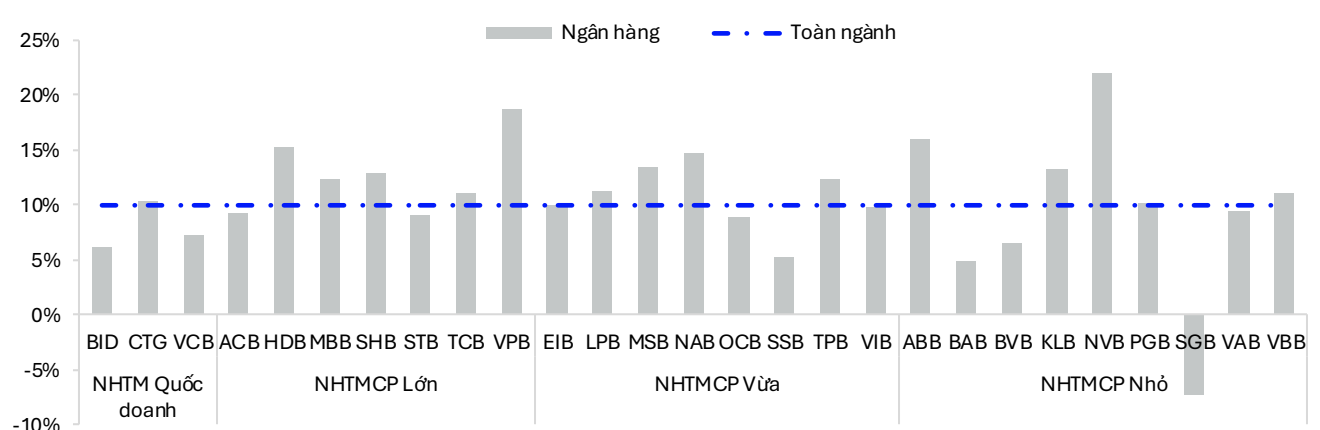
Ngày 31 tháng 07 năm 2025, NHNN đã điều chỉnh tăng hạn mức tín dụng cho các ngân hàng đã hoàn thành 80% hạn mức được cấp đầu năm, tạo thêm dư địa tăng trưởng cho các tháng còn lại. Chúng tôi đánh giá mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% của Chính phủ là khả thi và có thể đạt mức 17 – 18% cả năm nếu nhu cầu vốn duy trì tích cực cùng với đà phục hồi của nền kinh tế. Đặc biệt, một số NHTMCP lớn MBB, VPB và HDB nhiều khả năng sẽ có tốc độ tăng trưởng vượt trội (25 – 30%) so với toàn ngành trong năm 2025.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng toàn ngành 1H qua các năm (%YTD)



Nguồn: SBV, S&I Ratings tổng hợp.

Biểu đồ 2. Tăng trưởng tín dụng theo ngân hàng 1H2025 (%YTD)



Nguồn: S&I Ratings

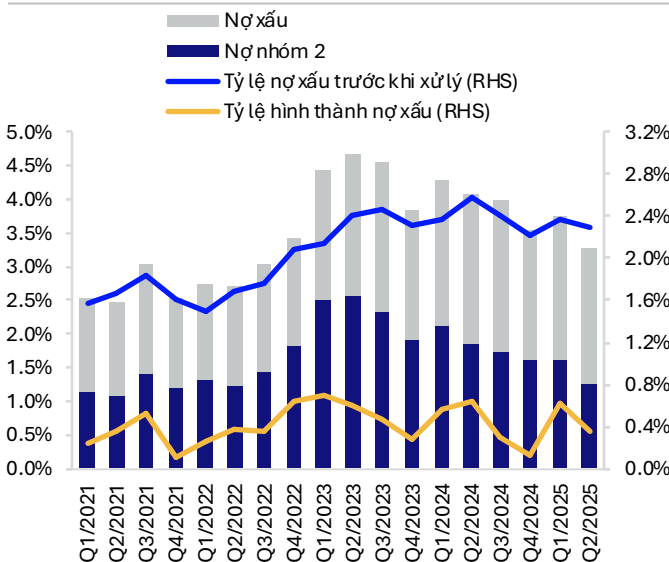
Chất lượng tài sản cải thiện nhưng suy giảm ở các ngân hàng nhỏ

Tính đến cuối Quý 2/2025, chất lượng tài sản toàn ngành nhìn chung cải thiện rõ rệt (trừ một số ngân hàng quy mô nhỏ). Tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,24% (so với 1,61% cuối Quý 1) – mức thấp nhất trong 3 năm qua. Nợ xấu cũng hạ về mức 2,03% (giảm 12 điểm QoQ và 20 điểm YoY). Diễn biến tích cực này đến từ hai yếu tố chính: (i) hiệu ứng kỹ thuật khi tín dụng tăng mạnh, giúp kéo giảm tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ cho vay, và (ii) hoạt động xử lý nợ xấu được đẩy mạnh, đạt 37,1 nghìn tỷ đồng trong Quý 2 (+36% QoQ). Xu hướng cải thiện tập trung ở các NHTMCP lớn và vừa bao gồm VPB, SHB, MBB, ACB, OCB, TPB và VIB. Ngược lại, một số ngân hàng nhỏ BVB, PGB và VAB ghi nhận xu hướng nợ xấu tăng trở lại. Tỷ lệ hình thành nợ xấu tại nhóm này cũng nhích tăng trong Quý 2, trái ngược với xu hướng giảm khoảng 20 điểm cơ bản ở các nhóm ngân hàng còn lại.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) toàn ngành ổn định quanh 80% trong Quý 2/2025 – chưa có nhiều biến chuyển và vẫn thấp hơn giai đoạn 2021 – 2022. LLR có sự phân hóa rõ nét giữa các ngân hàng, nhóm NHTMCP quy mô nhỏ nhìn chung có bộ đệm dự phòng thấp hơn nhiều nhóm ngân hàng quốc doanh. Một số ngân hàng lớn MBB, SHB, VPB đã đẩy mạnh trích lập dự phòng trong bối cảnh chất lượng tài sản cải thiện và thu nhập hoạt động tăng trưởng tốt (MBB +22% YoY, SHB +135% YoY). Ngược lại, PGB và VAB lại giảm trích lập mặc dù nợ xấu tăng. Chúng tôi nhận thấy áp lực trích lập dự phòng vẫn tiếp diễn khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu toàn ngành đang ở mức thấp nhất kể từ năm 2019. Theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP, tài sản bảo đảm là bất động sản nếu quá 2 năm kể từ khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền xử lý, sẽ không còn được khấu trừ khi tính dự phòng. Quy định này có thể làm gia tăng chi phí dự phòng, đặc biệt tại những ngân hàng có tỷ lệ nợ nhóm 5 duy trì ở mức cao và kéo dài.

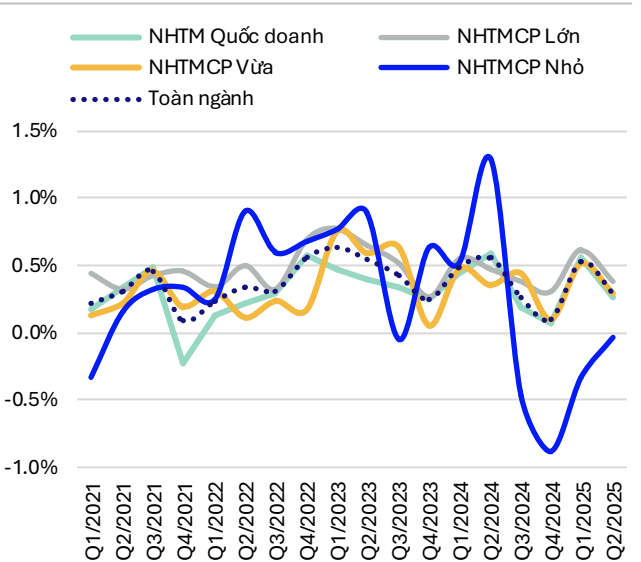
Trong ngắn hạn, chúng tôi đánh giá nợ xấu toàn ngành nhiều khả năng duy trì đà giảm nhẹ. Tín dụng tăng mạnh tiếp tục góp phần hỗ trợ tỷ lệ nợ xấu giảm, nhờ dư nợ mẫu số tăng. Tuy vậy, trong trung và dài hạn, tăng trưởng tín dụng cao có thể tạo áp lực lên chất lượng tài sản do nợ xấu thường có độ trễ hình thành.

Biểu đồ 3. Xu hướng chất lượng tài sản toàn ngành

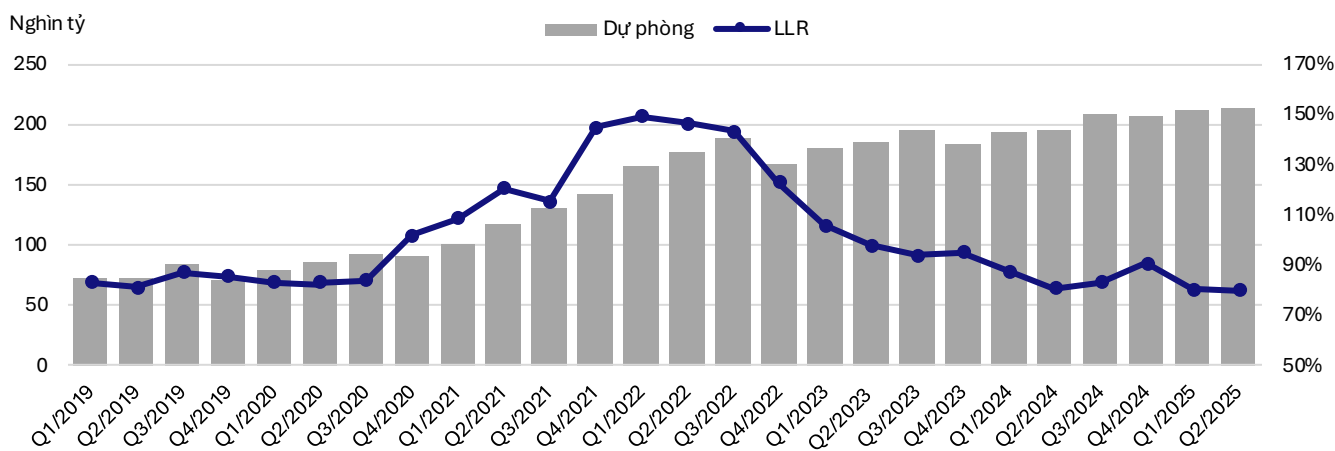


Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 4. Tỷ lệ hình thành nợ xấu (theo quý), theo nhóm ngân hàng

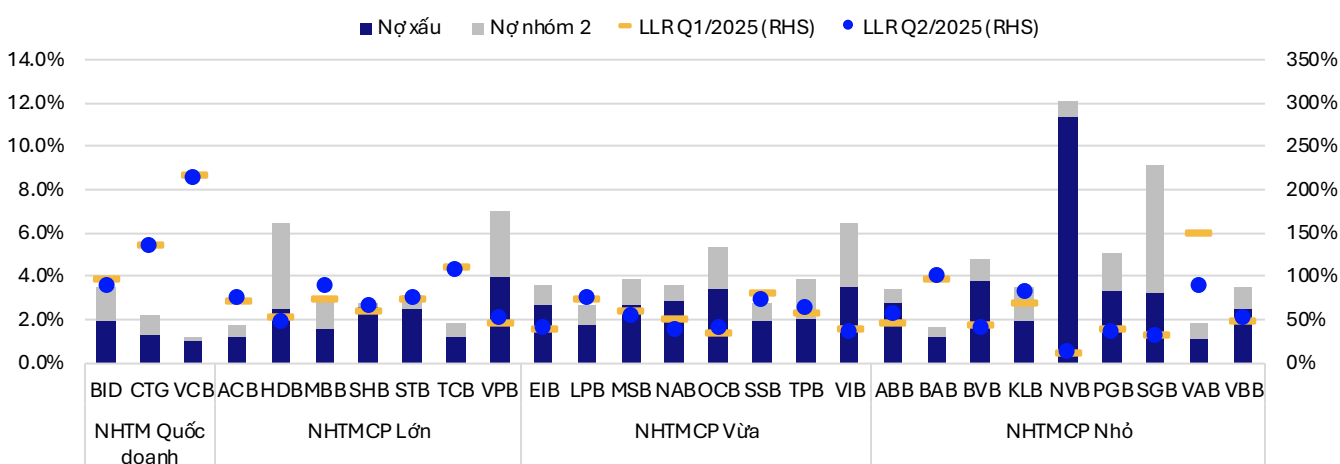


Biểu đồ 5. Bộ đệm dự phòng toàn ngành



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 6. So sánh chất lượng tài sản cuối Quý 2/2025



Nguồn: S&I Ratings

Khả năng sinh lời duy trì ổn định nhờ thu nhập ngoài lãi, bất chấp NIM suy giảm

NIM toàn ngành giảm còn 3,18% trong Quý 2/2025 (từ mức 3,31% của Quý 1) – chạm mức thấp nhất kể từ năm 2018. Sức ép về NIM vẫn hiện hữu chủ yếu đến từ ba yếu tố chính:

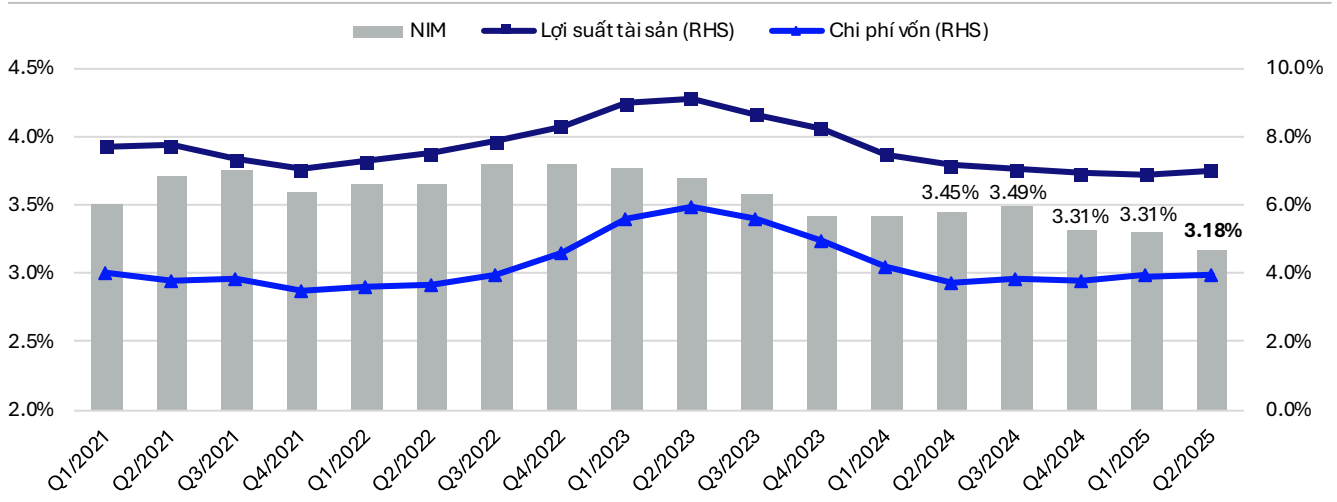
- Lãi suất cho vay đã giảm 60 điểm so với cuối năm 2024 trước định hướng giữ mặt bằng lãi suất thấp của NHNN để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- Chi phí vốn toàn ngành tăng khoảng 25 điểm svck do các ngân hàng tăng cường huy động kỳ hạn dài để đáp ứng nhu cầu tín dụng.
- Khối ngân hàng quốc doanh triển khai nhiều gói cho vay với lãi suất ưu đãi, khiến các NHTMCP cũng phải điều chỉnh để duy trì cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, lợi nhuận ngành ngân hàng tiếp tục được hỗ trợ tích cực bởi thu nhập ngoài lãi (+26% YoY) – vượt xa mức tăng của thu nhập từ lãi thuần (+8,5% YoY). Động lực tăng trưởng chính đến từ các khoản thu từ nợ xấu đã xử lý tăng gấp đôi (+108% YoY) nhờ thị trường bất động sản phục hồi, giúp thúc đẩy quá trình thu hồi nợ. Nổi bật là CTG (7,8 nghìn tỷ đồng), BID (6,3 nghìn tỷ đồng), VPB (5,2 nghìn tỷ đồng). Song song đó, các ngân hàng cũng ghi nhận thu nhập từ giao dịch mua bán chứng khoán tăng mạnh (+77% YoY), đóng góp đáng kể cho lợi nhuận toàn ngành trong Quý 2/2025. Ngược lại, các mảng dịch vụ cốt lõi có mức tăng khá khiêm tốn. Thu từ phí tăng +2,9% YoY, chủ yếu nhờ sự hồi phục nhẹ của bancassurance. Dù được hỗ trợ bởi tỷ giá USD/VND tăng hơn 3% so với đầu năm, lãi từ kinh doanh ngoại hối chỉ tăng nhẹ +4,8% YoY do bị hạn chế bởi mức nền cao năm trước.

Mặc dù áp lực NIM suy giảm vẫn tiếp diễn, chúng tôi cho rằng NIM có khả năng tạo đáy vào cuối năm 2025 – thời điểm tín dụng thường tăng tốc mạnh nhất, từ đó sẽ hỗ trợ lợi suất cho vay. Tuy vậy, các ngân hàng có thể

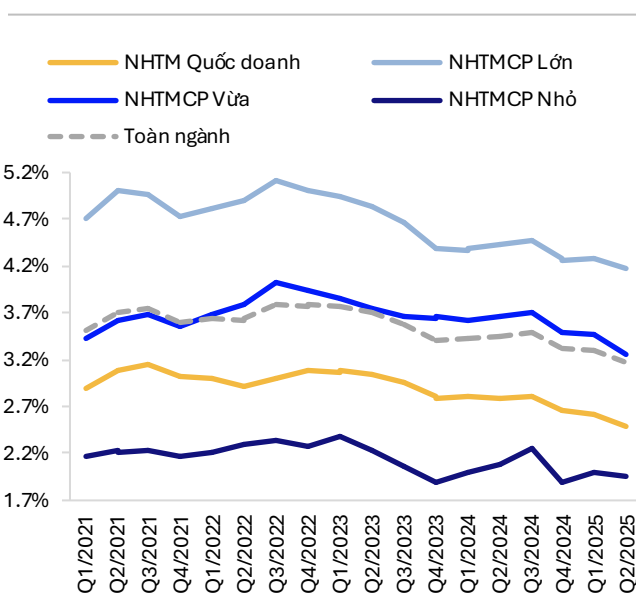
phải đối mặt với áp lực gia tăng huy động vốn để đáp ứng nhu cầu tín dụng tăng cao. Mức độ tác động sẽ phân hóa, khi một số NHTMCP có thể giảm bớt áp lực nhờ mở rộng cho vay trung và dài hạn hoặc tối ưu tỷ lệ LDR. Mặt khác, thu ngoài lãi được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng và thu từ nợ xấu đã xử lý sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng cho lợi nhuận toàn ngành trong nửa cuối năm 2025.

Biểu đồ 7. Diễn biến NIM toàn ngành



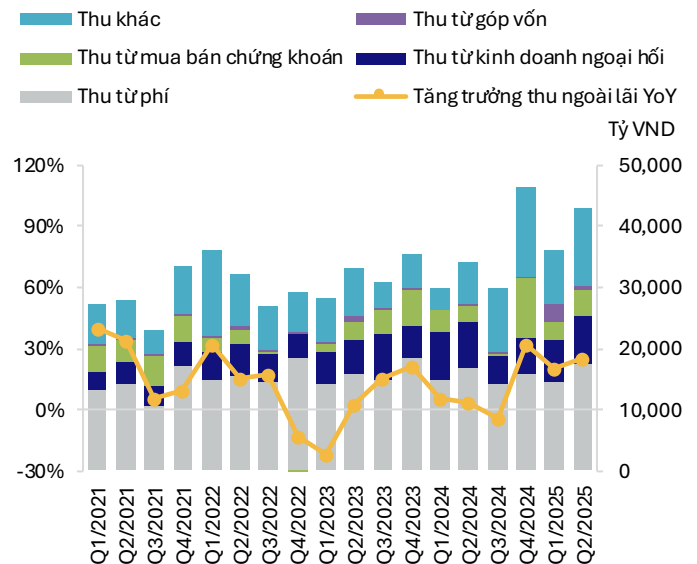
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 8. Diễn biến NIM theo nhóm ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

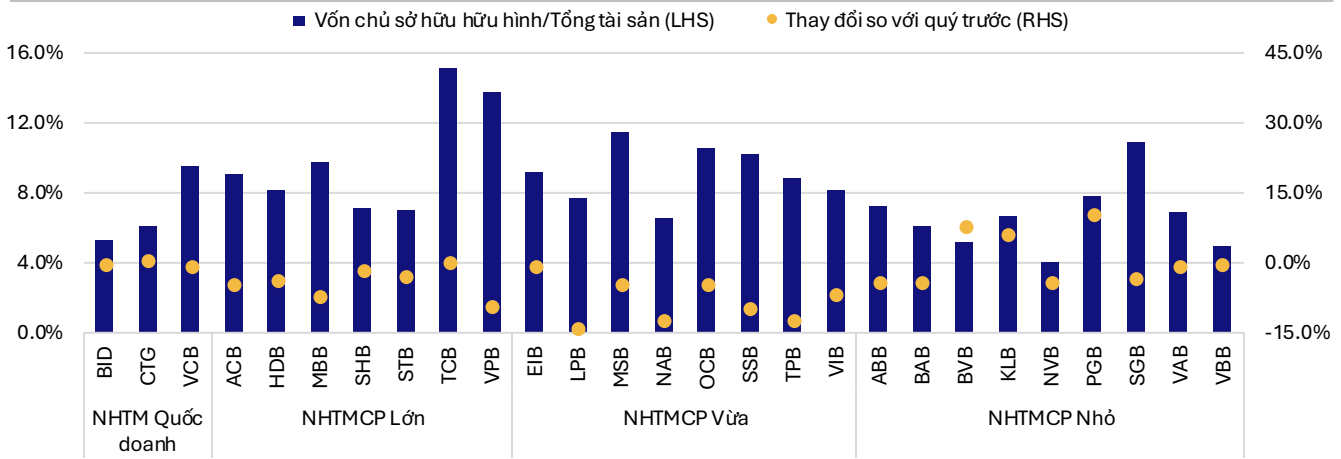
Biểu đồ 9. Tăng trưởng các khoản thu ngoài lãi toàn ngành



Bộ đệm vốn nhìn chung duy trì ổn định

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu hữu hình trên tổng tài sản (TCE/TA) ở nhóm ngân hàng quốc doanh và quy mô nhỏ không biến động nhiều so với quý trước. Đối với các ngân hàng lớn và vừa, TCE/TA giảm nhẹ 0,5% - 1,0% trong Quý 2, chủ yếu do hoạt động chi trả cổ tức tiền mặt tại một số ngân hàng như ACB, SHB, VPB, LPB, TPB và VIB.

Chúng tôi kỳ vọng nền tảng vốn toàn ngành sẽ giữ ổn định hoặc giảm nhẹ trong 2H2025. Để đáp ứng nhu cầu tín dụng tiếp tục tăng trưởng cao, các ngân hàng sẽ cần thiết tăng huy động vốn cấp 2 thông qua phát hành trái phiếu và duy trì vốn bằng cách ưu tiên chia cổ tức bằng cổ phiếu thay vì tiền mặt. Nhìn về dài hạn, áp lực tăng vốn vẫn hiện hữu khi nhu cầu vốn trung và dài hạn của nền kinh tế ngày càng lớn.

Biểu đồ 10. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu hình trên tổng tài sản từng ngân hàng cuối Quý 2/2025

Nguồn: S&I Ratings

Nguồn huy động và thanh khoản

Tỷ lệ CASA toàn ngành phục hồi nhẹ (+1,1% QoQ) sau khi ghi nhận sụt giảm trong Quý 1. Sự cải thiện đi cùng với dư nợ cho vay tăng trưởng tốt và việc một số NHTMCP triển khai tính năng “Sinh lời tự động” để thu hút tiền gửi không kỳ hạn. Khối ngân hàng quốc doanh tiếp tục dẫn đầu với CASA đạt 26,8%, theo sau là nhóm NHTMCP lớn (22%), vừa (15%) và nhỏ (7,5%). Chúng tôi nhận thấy các ngân hàng nhỏ – vốn có nền CASA thấp nhất ngành – ghi nhận chi phí vốn tăng mạnh nhất trong Quý 2 (+58 điểm cơ bản svck) dưới áp lực cạnh tranh gay gắt.

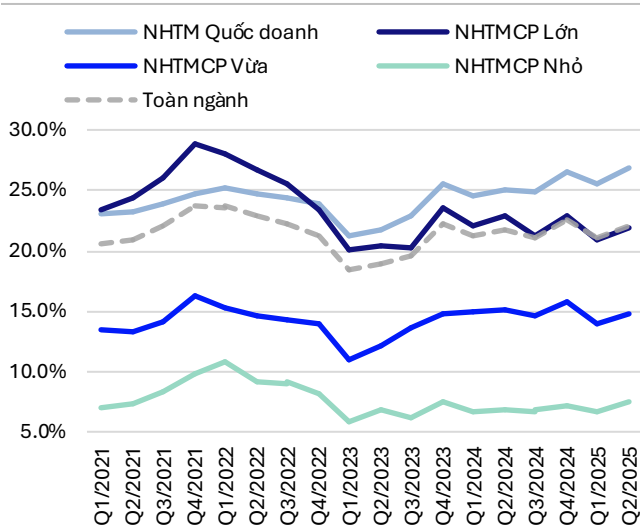
Song song đó, xu hướng phát hành trái phiếu cũng tăng mạnh và trở thành kênh bổ sung nguồn vốn quan trọng. Trong 6 tháng đầu năm, tổng lượng phát hành trái phiếu ngân hàng đạt 193 nghìn tỷ đồng (gấp hai lần svck năm 2024). Các ngân hàng quốc doanh và NHTMCP lớn chiếm ưu thế nhờ lợi thế quy mô, bao gồm TCB (37 nghìn tỷ đồng), ACB (28 nghìn tỷ đồng), VPB (18 nghìn tỷ đồng), BID (17 nghìn tỷ đồng) và MBB (16 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi nhận thấy các ngân hàng đã huy động từ kênh trái phiếu với mức lãi suất dao động từ 4,95%–7,65%, cao hơn nhẹ so với mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng (4,8% – 6%). Điều này đã góp phần làm gia tăng chi phí vốn toàn ngành (+25 điểm svck) trong Quý 2/2025.

Ngoài ra, chênh lệch giữa tăng trưởng huy động và tín dụng thu hẹp đáng kể. Theo thống kê từ 27 ngân hàng chúng tôi theo dõi, tính đến cuối tháng 6, huy động (bao gồm cả GTCG) và tín dụng lần lượt tăng 10% và 10,2% so với đầu năm. Huy động vốn được các ngân hàng đẩy mạnh kể từ Quý 2/2025, đặc biệt tại kênh phát hành GTCG (tăng 25% so với cuối năm 2024), đã phần nào rút ngắn khoảng cách giữa tăng trưởng huy động và tín dụng toàn ngành.

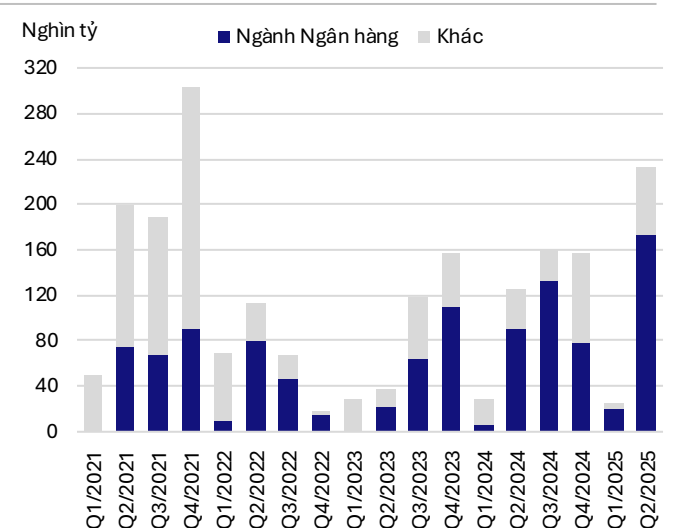
Thanh khoản hệ thống tương đối ổn định trong Quý 2 nhờ dòng tiền hỗ trợ xuyên suốt từ NHNN qua kênh thị trường mở (Biểu đồ 13). Tuy vậy, căng thẳng xuất hiện rõ nét vào cuối quý – thời điểm nhu cầu giải ngân tăng tốc, một phần do người dân có xu hướng tăng nắm giữ tiền mặt. Bên cạnh đó, thu ngân sách tăng mạnh vào cuối quý cũng khiến Kho bạc Nhà nước hút lượng tiền lớn ra khỏi hệ thống ngân hàng. Hệ quả là thanh khoản hệ thống gặp áp lực tạm thời vào những ngày cuối quý, lãi suất liên ngân hàng qua đêm (O/N) tăng vọt lên 8,75%. Chỉ trong 3 ngày cuối tháng 6, NHNN đã bơm ròng khoảng 103 nghìn tỷ đồng thông qua kênh OMO để hỗ trợ thị trường, đưa khối lượng lưu hành lũy kế đạt 155 nghìn tỷ đồng – mức cao nhất kể từ năm 2017.

Về xu hướng lãi suất, chúng tôi nhận thấy áp lực đối với mặt bằng lãi suất huy động đang có xu hướng tăng dần trong nửa cuối năm 2025. Tín dụng dự kiến tiếp tục tăng trưởng mạnh, đòi hỏi các ngân hàng cũng phải tăng cường huy động vốn để đáp ứng, tạo sức ép lên lãi suất huy động. Bên cạnh đó, áp lực lên tỷ giá vẫn hiện hữu trước các biến động bên ngoài khó lường, cho thấy không gian nới lỏng chính sách tiền tệ trong thời gian tới không còn nhiều.

Biểu đồ 11. Diễn biến CASA (theo quý), theo nhóm ngân hàng

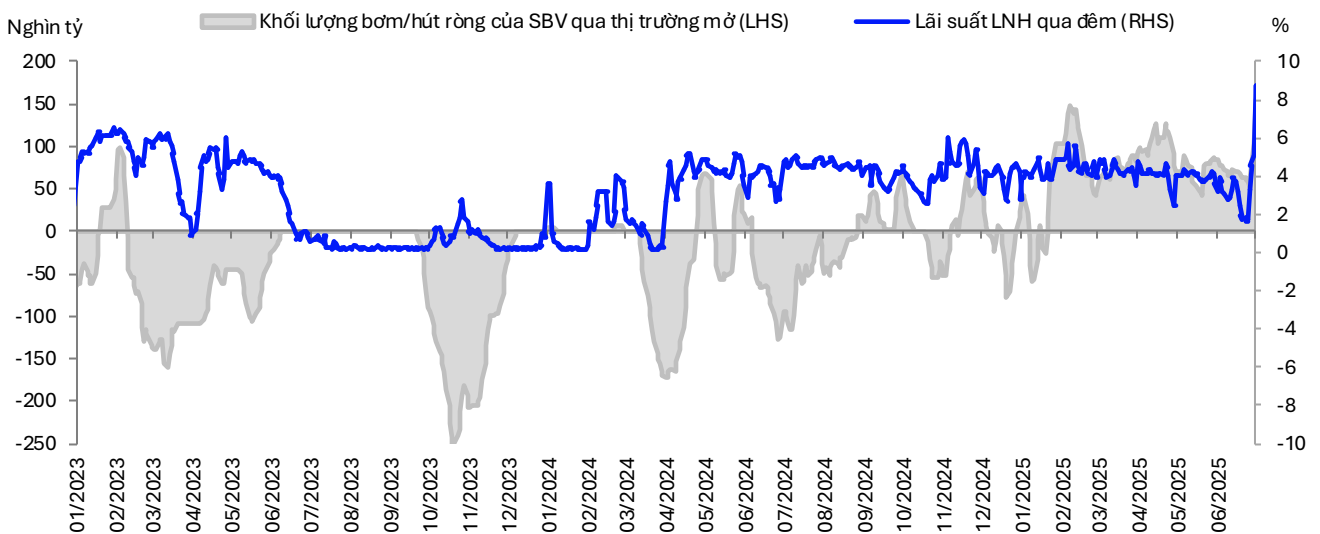


Biểu đồ 12. Quy mô phát hành trái phiếu ngân hàng theo quý



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 13. Lũy kế khối lượng bơm/hút ròng của NHNN qua thị trường mở và lãi suất LNH qua đêm



Nguồn: S&I Ratings

Phụ lục 1: Danh sách phân loại các ngân hàng được đề cập trong báo cáo

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại
1	BID	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	NHTM Quốc doanh
2	CTG	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
3	VCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
4	ACB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	NHTMCP Lớn
5	HDB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Lớn
6	MBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	NHTMCP Lớn
7	SHB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	NHTMCP Lớn
8	STB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	NHTMCP Lớn
9	TCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Lớn
10	VPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Lớn
11	EIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	NHTMCP Vừa
12	LPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Vừa
13	MSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	NHTMCP Vừa
14	NAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	NHTMCP Vừa
15	OCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông	NHTMCP Vừa
16	SSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á	NHTMCP Vừa
17	TPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong	NHTMCP Vừa
18	VIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam	NHTMCP Vừa
19	ABB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình	NHTMCP Nhỏ
20	BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	NHTMCP Nhỏ
21	BVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	NHTMCP Nhỏ
22	KLB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long	NHTMCP Nhỏ
23	NVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân	NHTMCP Nhỏ
24	PGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xăng Dầu Việt Nam	NHTMCP Nhỏ
25	SGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương	NHTMCP Nhỏ
26	VAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	NHTMCP Nhỏ
27	VBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Nhỏ

Phụ lục 2: Khái niệm và công thức tính các chỉ số tài chính

Chỉ số	Công thức
Tỷ lệ nợ quá hạn	Tử số: Nợ nhóm 2 + nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Tỷ lệ nợ xấu	Tử số: Nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Tỷ lệ nợ xấu trước khi xử lý	Tử số: Nợ nhóm 3 + nợ nhóm 4 + nợ nhóm 5 + nợ xấu xử lý trong kỳ Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) + nợ xấu xử lý trong kỳ
Tỷ lệ hình thành nợ xấu	Tử số: Nợ xấu kỳ này – nợ xấu kỳ trước + nợ xấu đã xử lý trong kỳ Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) kỳ trước
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	Tử số: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng Mẫu số: Nợ xấu
Chi phí tín dụng	Tử số: Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng Mẫu số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng)
Chi phí hoạt động (CIR)	Tử số: Chi phí hoạt động Mẫu số: Tổng thu nhập hoạt động
Tỷ lệ CASA	Tử số: Tiền gửi không kỳ hạn + tiền gửi vốn chuyên dụng + tiền gửi ký quỹ Mẫu số: Tổng tiền gửi của khách hàng
Biên lãi ròng (NIM)	Tử số: Thu nhập lãi thuần Mẫu số: Bình quân tài sản sinh lãi (bao gồm: dư nợ cho vay khách hàng trước dự phòng + tiền gửi tại NHNN + tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác + CK đầu tư + CK kinh doanh + Hoạt động mua nợ – Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)
Chi phí vốn bình quân	Tử số: Chi phí lãi và các chi phí tương tự Mẫu số: Bình quân nợ phải trả phát sinh lãi (bao gồm: Tiền gửi của KH + các khoản nợ CP và NHNN + tiền gửi và vay các TCTD khác + vốn tài trợ, ủy thác đầu tư + phát hành GTCG)
Lợi suất tài sản bình quân	Tử số: Thu nhập lãi và các thu nhập tương tự Mẫu số: Bình quân tài sản sinh lãi
Lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	Tử số: Lợi nhuận sau thuế Mẫu số: Bình quân tổng tài sản
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	Tử số: Lợi nhuận sau thuế Mẫu số: Bình quân vốn chủ sở hữu
Tổng tín dụng/ Tổng tiền gửi (LDR thuần)	Tử số: Dư nợ cho vay khách hàng (trước dự phòng) + TPDN Mẫu số: Tiền gửi khách hàng + phát hành GTCG
Tài sản thanh khoản cao/Tổng nợ phải trả	Tử số: Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + tiền gửi tại NHNN + tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác + Trái phiếu chính phủ Mẫu số: Tổng nợ phải trả
Vốn chủ sở hữu hữu hình/ Tổng tài sản (TCE/TA)	Tử số: Vốn chủ sở hữu – TSCĐ vô hình – Cổ phiếu ưu đãi Mẫu số: Tổng tài sản – TSCĐ vô hình

Tuyên bố miễn trừ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà S&I Ratings cho là đáng tin cậy, tuy nhiên S&I Ratings không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. S&I Ratings và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của S&I Ratings và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của S&I Ratings. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. S&I Ratings I có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho S&I Ratings. S&I Ratings không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

Thông tin liên hệ: customers@sniratings.com.vn